

Số: **29** /2017/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **21** tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí, lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3476/TTr- STC ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc ban hành giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái như sau:

1. Đối tượng thu, nộp giá dịch vụ

a) Đối tượng thực hiện nộp: Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức hợp tác dùng nước có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có liên quan quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Yên Bái phải thực hiện nộp tiền sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo mức giá quy định tại Quyết định này.

b) Đối tượng thực hiện thu: Tổ chức, đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn.

2. Giá dịch vụ

STT	Tên dịch vụ	Mức thu
1	Tưới tiêu lúa bằng trọng lực	1.267.000 đồng/ha/vụ
2	Tưới tiêu lúa bằng động lực	1.811.000 đồng/ha/vụ
3	Tưới tiêu lúa bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539.000 đồng/ha/vụ
4	Tưới tiêu mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày bằng trọng lực	506.800 đồng/ha/vụ
5	Tưới tiêu mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày bằng động lực	724.400 đồng/ha/vụ
6	Cấp nước nuôi trồng thủy sản	2.500.000 đồng/ha/năm
7	Tưới tiêu lúa tạo nguồn bằng động lực	905.500 đồng/ha/vụ
8	Tưới tiêu mạ, rau, màu tạo nguồn bằng động lực	362.200 đồng/ha/vụ
9	Tưới cây công nghiệp dài ngày bằng trọng lực	1.013.600 đồng/ha/vụ

3. Quản lý và sử dụng tiền thu được từ cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

a) Khoản tiền thu được từ dịch vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là doanh thu của đơn vị, đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

b) Đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phải đăng ký với cơ quan Thuế mua hoặc in phát hành chứng từ thu, hóa đơn theo quy định để cấp cho người nộp tiền.

4. Việc sử dụng hóa đơn và kê khai nộp thuế

a) Đơn vị phải sử dụng hóa đơn để giao cho khách hàng khi cung cấp dịch vụ. Đơn vị có quyền tự tạo mẫu hóa đơn hoặc mua hóa đơn của cơ quan Thuế để sử dụng theo đúng quy định của Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ, về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính.

b) Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm kê khai, nộp thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế, trong đó:

- Về thuế giá trị gia tăng: Dịch vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng.

- Về Thuế thu nhập doanh nghiệp: Dịch vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý giá.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm quản lý hoạt động dịch vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo địa bàn quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, các quy định trước đây không phù hợp với quy định tại Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi Trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng Công báo);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Lưu: VT, TM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khánh